

BÀI 7: CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN DÂN CHỦ

Những kiến thức học sinh cần nắm

1. Quyền bầu cử và quyền ứng cử các cơ quan đại biểu của nhân dân

a) Khái niệm quyền bầu cử và ứng cử

Quyền bầu cử và ứng cử là các quyền dân chủ cơ bản của công dân trong lĩnh vực chính trị, thông qua đó, nhân dân thực thi hình thức dân chủ gián tiếp ở từng địa phương và trong phạm vi cả nước

b) Nội dung quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan đại biểu của nhân dân

*** Người có quyền bầu cử và ứng cử vào cơ quan đại biểu của nhân dân:**

- Mọi công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng công dân.
- Những trường hợp không được thực hiện quyền bầu cử gồm: người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người đang phải chấp hành hình phạt tù; người mất năng lực hành vi dân sự;...
- Những trường hợp không được thực hiện quyền ứng cử: Những người thuộc diện không được thực hiện quyền bầu cử; người đang bị khởi tố về hình sự; người đang phải chấp hành bản án, quyết định của tòa án; người đã chấp hành xong bản án, quyết định của tòa án nhưng chưa được xóa án; người đang chấp hành quyết định xử lý hành chính về giáo dục hoặc đang bị quản chế hành chính.

*** Cách thực hiện quyền bầu cử và ứng cử của công dân**

- Quyền bầu cử của công dân thực hiện theo các nguyên tắc: bầu cử phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.
- Quyền ứng cử của công dân được thực hiện theo hai con đường: tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử.

2. Quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội

a) Khái niệm về quyền tham gia quản lý đất nước và xã hội

Quyền tham gia quản lý đất nước và xã hội là quyền của công dân tham gia thảo luận vào các công việc chung của đất nước trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong phạm vi của cả nước và trong địa phương; quyền kiến nghị với các cơ quan Nhà nước về xây dựng bộ máy Nhà nước và phát triển kinh tế xã hội.

b) Nội dung cơ bản của quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội

*** Ở phạm vi cả nước:**

- Tham gia thảo luận, góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật.

- Thảo luận và biểu quyết các vấn đề trọng đại khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân.

*** Ở phạm vi cơ sở:**

Trực tiếp thực hiện theo cơ chế “*Dân biết, dân làm, dân kiểm tra*”:

- Những việc phải được thông báo để dân biết mà thực hiện (chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước...).
- *Những việc dân làm và quyết định trực tiếp* bằng biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín
- *Những việc dân được thảo luận, tham gia đóng góp ý kiến trước khi chính quyền xã quyết định.*
- *Những việc nhân dân ở phường, xã giám sát, kiểm tra.*

3. Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân

a) Khái niệm quyền khiếu nại, tố cáo của công dân

Quyền khiếu nại, tố cáo là quyền dân chủ cơ bản của công dân được quy định trong hiến pháp, là công cụ để nhân dân thực hiện dân chủ trực tiếp trong những trường hợp cần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức bị hành vi trái pháp luật xâm hại.

- **Quyền khiếu nại** là quyền công dân, cơ quan, tổ chức được đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng hành vi đó trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích của công dân.
- **Quyền tố cáo** là quyền công dân được phép báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

b) Nội dung quyền khiếu nại, tố cáo của công dân

*** Người có quyền khiếu nại, tố cáo:**

Người khiếu nại

Người tố cáo

*** Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo**

- *Người giải quyết khiếu nại:* Người đứng đầu cơ quan hành chính có quyết định, hành vi hành chính bị khiếu nại; người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan hành chính có quyết định, hành vi hành chính bị khiếu nại; Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Tổng Thanh tra Chính phủ, Thủ tướng chính phủ.

- *Người giải quyết tố cáo*: người đứng đầu cơ quan tổ chức có thẩm quyền quản lý người bị tố cáo, người đứng đầu cơ quan tổ chức cấp trên của cơ quan, tổ chức người bị tố cáo; Chánh Thanh tra các cấp, Tổng Thanh tra Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Nếu hành vi bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm thì do các cơ quan tố tụng giải quyết

*** Quy trình khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo**

- *Quy trình khiếu nại và giải quyết khiếu nại*:

Bước 1: Người khiếu nại nộp đơn khiếu nại đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Bước 2: Người giải quyết khiếu nại xem xét giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền và trong thời gian do luật quy định.

Bước 3: Nếu người khiếu nại đồng ý với kết quả giải quyết thì quyết định của người giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành.

Nếu người khiếu nại không đồng ý thì họ có quyền lựa chọn một trong hai cách: hoặc tiếp tục khiếu nại lên người đứng đầu cơ quan hành chính cấp trên, hoặc kiện ra Tòa hành chính thuộc Tòa án nhân dân giải quyết.

Bước 4: Người giải quyết khiếu nại lần hai xem xét, giải quyết yêu cầu của người khiếu nại.

Nếu người khiếu nại vẫn không đồng ý với quyết định giải quyết lần hai thì trong thời gian do luật quy định, có quyền khởi kiện ra Tòa hành chính thuộc Tòa án nhân dân.

- *Quy trình tố cáo và giải quyết tố cáo gồm các bước sau*:

Bước 1: Người tố cáo gửi đơn tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

Bước 2: Người giải quyết tố cáo phải tiến hành việc xác minh và giải quyết nội dung tố cáo.

Bước 3: Nếu người tố cáo có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo không đúng pháp luật hoặc quá thời gian quy định mà tố cáo không được giải quyết thì người tố cáo có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của người giải quyết tố cáo.

Bước 4: Cơ quan tổ chức, cá nhân giải quyết tố cáo lần hai có trách nhiệm giải quyết trong thời gian luật quy định.

KIẾN THỨC THAM KHẢO

(Trích Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân- Nxb Hà Nội, 2015)

Điều 1. Nguyên tắc bầu cử

Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Điều 2. Tuổi bầu cử và tuổi ứng cử

Tính đến ngày bầu cử được công bố, công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của Luật này.

Điều 3. Tiêu chuẩn của người ứng cử

1. Người ứng cử đại biểu Quốc hội phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội quy định tại Luật tổ chức Quốc hội.
2. Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Luật tổ chức chính quyền địa phương.

(Trích Luật Tổ cáo 2011, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013)

Điều 21 Luật Tổ cáo năm 2011 quy định về thời hạn giải quyết tố cáo như sau:

1. Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo.
2. Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn thời hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.

Điều 27. Luật Tổ cáo năm 2011 quy định việc Việc tố cáo tiếp, giải quyết vụ việc tố cáo tiếp như sau:

1. Trường hợp quá thời hạn quy định mà tố cáo không được giải quyết hoặc có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo là không đúng pháp luật thì người tố cáo có quyền tố cáo tiếp với người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp của người có trách nhiệm giải quyết tố cáo.
2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được tố cáo tiếp, người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp xem xét, xử lý như sau:
 - a) Trường hợp quá thời hạn quy định tại Điều 21 của Luật này mà tố cáo không được giải quyết thì yêu cầu người có trách nhiệm giải quyết tố cáo phải giải quyết, trình bày rõ lý do về việc chậm giải quyết tố cáo; có biện pháp xử lý đối với hành vi vi phạm của người có trách nhiệm giải quyết tố cáo;
 - b) Trường hợp việc giải quyết tố cáo của người đứng đầu cơ quan cấp dưới trực tiếp là đúng pháp luật thì không giải quyết lại, đồng thời thông báo cho người tố cáo về việc không giải quyết lại và yêu cầu họ chấm dứt việc tố cáo;
 - c) Trường hợp việc giải quyết tố cáo của người đứng đầu cơ quan cấp dưới trực tiếp là không đúng pháp luật thì tiến hành giải quyết lại theo trình tự quy định tại Điều 18 của Luật Tổ cáo.

(Trích luật khiếu nại, nguồn moi.gov.vn)

Điều 28, luật khiếu nại 2011

Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý.

Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.

*** Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai**

Căn cứ theo Điều 37, luật khiếu nại tố cáo năm 2011 thì:

Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.

Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.

BÀI 7: CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN DÂN CHỦ

Câu 1: Công dân ở độ tuổi nào được quyền ứng cử vào đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp?

- A. Đủ 18 trở lên. B. Đủ 19 trở lên. C. Đủ 20 trở lên. D. Đủ 21 trở lên.

Câu 2: Quyền bầu cử của công dân được thực hiện theo các nguyên tắc:

- A. Tôn trọng, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.
B. Phổ thông, công khai, trực tiếp và bỏ phiếu kín.
C. Tôn trọng, bình đẳng, gián tiếp và bỏ phiếu kín.
D. Phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Câu 3: "Nhà nước bảo đảm cho công dân thực hiện tốt quyền bầu cử và quyền ứng cử cũng chính là bảo đảm thực hiện quyền công dân, quyền con người trên thực tế." là một nội dung thuộc:

- A. Ý nghĩa quyền bầu cử, ứng cử.
B. Nội dung quyền bầu cử, ứng cử.
C. Khái niệm quyền bầu cử, ứng cử.
D. Bình đẳng trong thực hiện quyền bầu cử, ứng cử.

Câu 4: Dân chủ gián tiếp còn được gọi là gì?

- A. Dân chủ đặc trưng. B. Dân chủ tiêu biểu.
C. Dân chủ đại diện. D. Dân chủ cơ bản.

Câu 5: Quyền bầu cử và quyền ứng cử là các quyền dân chủ cơ bản của công dân thể hiện trong lĩnh vực nào?

- A. Kinh tế. B. Chính trị. C. Văn hóa. D. Xã hội.

Câu 6: Người thuộc trường hợp nào dưới đây không được thực hiện quyền bầu cử?

- A. Đang thi hành án phạt tù. B. Đang điều trị ở bệnh viện.
C. Đang bị nghi ngờ vi phạm pháp luật. D. Đang đi công tác ở biên giới, hải đảo.

Câu 7: Nhân viên tổ bầu cử gợi ý bỏ phiếu cho ứng cử viên là vi phạm:

- A. Quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.
B. Quyền tự do ngôn luận.
C. Quyền bầu cử.
D. Quyền ứng cử.

Câu 8: Quyền bầu cử và quyền ứng cử là cơ sở pháp lí – chính trị quan trọng để:

- A. Thực hiện cơ chế “ Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.
B. Nhân dân thực hiện hình thức dân chủ trực tiếp.
C. Đại biểu của nhân dân chịu sự giám sát của cử tri.
D. Hình thành các cơ quan quyền lực Nhà nước, để nhân dân thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình.

Câu 9: Mục đích của khiếu nại là:

- A. Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình.

B. Báo cáo cơ quan, tổ chức có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào.

C. Phát hiện, ngăn chặn các việc làm trái pháp luật.

D. Khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại đã bị xâm phạm.

Câu 10: Nếu hành vi bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm hình sự thì người xử lý là:

A. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, có thẩm quyền quản lý người bị tố cáo.

B. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên của cơ quan, tổ chức có người bị tố cáo.

C. Cơ quan tố tụng (điều tra, kiểm sát, tòa án).

D. Thanh tra chính phủ.

Câu 11: Hiến pháp nước ta quy định người có quyền bầu cử và ứng cử vào cơ quan đại biểu của nhân dân có độ tuổi là:

A. Đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và ứng cử.

B. Đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử.

C. Nam đủ 20 tuổi trở lên và nữ đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và ứng cử.

D. Đủ 20 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử và bầu cử.

Câu 12: Nhà nước bảo đảm cho công dân thực hiện tốt quyền bầu cử và ứng cử cũng chính là:

A. Bảo đảm thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. Bảo đảm thực hiện quyền được pháp luật bảo hộ về nhân phẩm, danh dự của công dân.

C. Bảo đảm thực hiện quyền công dân, quyền con người trên thực tế.

D. Bảo đảm quyền tự do, dân chủ của công dân.

Câu 13: Quyền bầu cử và quyền ứng cử là cơ sở pháp lý – chính trị quan trọng để :

A. Thực hiện cơ chế “ Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

B. Nhân dân thực hiện hình thức dân chủ trực tiếp.

C. Đại biểu của nhân dân chịu sự giám sát của cử tri.

D. Hình thành các cơ quan quyền lực Nhà nước, để nhân dân thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình.

Câu 14: Quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội là quyền của công dân tham gia:

A. Thảo luận vào các công việc chung của đất nước trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

B. Kiến nghị với các cơ quan Nhà nước về xây dựng bộ máy Nhà nước.

C. Kiến nghị với các cơ quan Nhà nước xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội.

D. Tất cả các phương án trên.

Câu 15: Điền vào chỗ trống:

Quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội của công dân là các quyền gắn liền với việc thực hiện

A. Quy chế hoạt động của chính quyền cơ sở. B. Trật tự, an toàn xã hội.

C. Hình thức dân chủ gián tiếp ở nước ta. D. Hình thức dân chủ trực tiếp ở nước ta.

Câu 16: Ở phạm vi cả nước, nhân dân thực hiện quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội chủ yếu bằng cách:

- A. Tham gia thảo luận, góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật quan trọng, liên quan đến quyền và lợi ích cơ bản của mọi công dân.
- B. Đóng góp ý kiến, phản ánh kịp thời với Nhà nước về những vướng mắc, bất cập, không phù hợp của chính sách, pháp luật để Nhà nước sửa đổi, hoàn thiện.
- C. Thảo luận và biểu quyết các vấn đề trọng đại khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân.
- D. Tất cả các phương án trên.

Câu 17: Ở Phạm vi cơ sở, dân chủ trực tiếp được thực hiện theo cơ chế nào?

- A. Phổ thông, bình đẳng, trực tiếp.
- B. Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.
- C. Trực tiếp, thẳng thắn, thực tế.
- D. ân quyết định.

Câu 18: "Hình thức dân chủ với những qui chế, thiết chế để nhân dân thảo luận, biểu quyết tham gia trực tiếp quyết định công việc của cộng đồng, của Nhà nước." là...

- A. Hình thức dân chủ trực tiếp.
- B. Hình thức dân chủ gián tiếp.
- C. Hình thức dân chủ tập trung.
- D. Hình thức dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Câu 19: "Hình thức dân chủ với những qui chế, thiết chế để nhân dân bầu ra những người đại diện của mình quyết định các công việc chung của cộng đồng, của Nhà nước." là gì?

- A. Hình thức dân chủ trực tiếp.
- B. Hình thức dân chủ gián tiếp.
- C. Hình thức dân chủ tập trung.
- D. Hình thức dân chủ xã hội chủ nghĩa.

ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

"Quyền bầu cử và quyền ứng cử là các quyền dân chủ cơ bản của công dân trong lĩnh vực(20)....., thông qua đó, nhân dân thực thi hình thức(21)..... ở từng địa phương và trong phạm vi cả nước."

Câu 20:

- A. Xã hội
- B. Chính trị
- C. Kinh tế
- D. Văn hoá

Câu 21:

- A. Dân chủ trực tiếp
- B. Dân chủ gián tiếp
- C. Dân chủ tập trung
- D. Dân chủ xã hội chủ nghĩa

Câu 22: Hiến pháp 2013 qui định mọi công dân...

- A. Đủ 21 tuổi trở lên có quyền bầu cử và ứng cử.
- B. Từ 18 đến 21 tuổi có quyền bầu cử và ứng cử.
- C. Đủ 18 tuổi có quyền bầu cử, đủ 21 tuổi có quyền ứng cử.
- D. Đủ 16 trở lên có quyền bầu cử và đủ 18 tuổi trở lên có quyền ứng cử.

Câu 23: Nhận định nào sai: Dân được hưởng quyền bầu cử và ứng cử một cách bình đẳng, không phân biệt...

- A. Giới tính, dân tộc, tôn giáo.
- B. Tình trạng pháp lí.
- C. Trình độ văn hoá, nghề nghiệp.
- D. Thời hạn cư trú nơi thực hiện quyền bầu cử, ứng cử.

Câu 24: Nhận định nào sai: Khi xác định người không được thực hiện quyền ứng cử?

- A. Người bị khởi tố dân sự.
- B. Người đang chấp hành quyết định hình sự của Toà án.
- C. Người đang bị xử lý hành chính về giáo dục tại địa phương.
- D. Người đã chấp hành xong bản án hình sự nhưng chưa được xoá án.

Câu 25: Nhận định nào sai: Khi xác định người không được thực hiện quyền bầu cử?

- A. Người đang chấp hành hình phạt tù.
- B. Người đang bị tạm giam.
- C. Người bị tước quyền bầu cử theo bản án của Toà án.
- D. Người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Câu 26: Nguyên tắc nào không phải là nguyên tắc bầu cử?

- A. Phổ thông.
- B. Bình đẳng.
- C. Công khai.
- D. Trực tiếp.

Câu 27: Quyền ứng cử của công dân có thể thực hiện bằng mấy cách?

- A. Một cách.
- B. Hai cách.
- C. Ba cách.
- D. Bốn cách.

Câu 28: "Nhà nước bảo đảm cho công dân thực hiện tốt quyền bầu cử và quyền ứng cử cũng chính là bảo đảm thực hiện quyền công dân, quyền con người trên thực tế." là một nội dung thuộc...

- A. Ý nghĩa quyền bầu cử, ứng cử.
- B. Nội dung quyền bầu cử, ứng cử.
- C. Khái niệm quyền bầu cử, ứng cử.
- D. Bình đẳng trong thực hiện quyền bầu cử, ứng cử.

Câu 29: "Cách thức nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước thông qua các đại biểu và cơ quan quyền lực Nhà nước - cơ quan đại biểu nhân dân." là một nội dung thuộc...

- A. Ý nghĩa quyền bầu cử, ứng cử.
- B. Nội dung quyền bầu cử, ứng cử.
- C. Khái niệm quyền bầu cử, ứng cử.
- D. Bình đẳng trong thực hiện quyền bầu cử, ứng cử.

Câu 30: "Quyền bầu cử và quyền ứng cử là cơ sở pháp lý - chính trị quan trọng để hình thành các cơ quan quyền lực Nhà nước, để nhân dân thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình thông qua các đại diện do nhân bầu ra..." là một nội dung thuộc...

- A. Ý nghĩa quyền bầu cử, ứng cử.
- B. Nội dung quyền bầu cử, ứng cử.
- C. Khái niệm quyền bầu cử, ứng cử.
- D. Bình đẳng trong thực hiện quyền bầu cử, ứng cử.

Câu 31: "Qui định về người có quyền bầu cử và ứng cử vào cơ quan đại biểu của nhân dân" là một nội dung thuộc...

- A. Ý nghĩa quyền bầu cử, ứng cử.
- B. Nội dung quyền bầu cử, ứng cử.
- C. Khái niệm quyền bầu cử, ứng cử.
- D. Bình đẳng trong thực hiện quyền bầu cử, ứng cử.

Câu 32: Tham gia thảo luận, góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật quan trọng, liên quan đến các quyền và lợi ích cơ bản của công dân là việc thực hiện quyền tham gia quản lý Nhà nước ở....

- A. Phạm vi cả nước.
- B. Phạm vi cơ sở.
- C. Phạm vi địa phương.
- D. Phạm vi cơ sở và địa phương.

Câu 33: Thảo luận và biểu quyết các các vấn đề trọng đại khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân là việc thực hiện quyền tham gia quản lý Nhà nước ở...

- A. Phạm vi cả nước.
- B. Phạm vi cơ sở.
- C. Phạm vi địa phương.
- D. Phạm vi cơ sở và địa phương.

Câu 34: Trên cơ sở chính sách và pháp luật của Nhà nước, nhân dân trực tiếp quyết định những công việc thiết thực, cụ thể gắn liền với quyền và nghĩa vụ nơi họ sinh sống là việc thực hiện quyền tham gia quản lý Nhà nước ở...

- A. Phạm vi cả nước.
- B. Phạm vi cơ sở.
- C. Phạm vi địa phương.
- D. Phạm vi cơ sở và địa phương.

Câu 35: Ở phạm vi cơ sở, chủ trương, chính sách pháp luật là...

- A. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện.
- B. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp.
- C. Những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định.
- D. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra.

Câu 36: Ở phạm vi cơ sở, kiểm sát việc khiếu nại, tố cáo của công dân là...

- A. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện.
- B. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp.
- C. Những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định.
- D. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra.

Câu 37: Ở phạm vi cơ sở, các đề án định canh, định cư, giải phóng mặt bằng, tái định cư là:

- A. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện.
- B. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp.
- C. Những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định.
- D. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra.

Câu 38: Ở phạm vi cơ sở, chủ trương và mức đóng góp xây dựng các công trình phúc lợi công cộng là...

- A. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện.
- B. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp.
- C. Những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định.
- D. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra.

Câu 39: Ở phạm vi cơ sở, xây dựng hương ước, qui ước ... là:

- A. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện.

- B. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp.
- C. Những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định.
- D. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra.

Câu 40: Ở phạm vi cơ sở, kiểm sát dự toán và quyết toán ngân sách xã, phường là...

- A. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện.
- B. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp.
- C. Những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định.
- D. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra.

Câu 41: Ở phạm vi cơ sở, dự thảo qui hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của xã, phường là:

- A. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện.
- B. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp.
- C. Những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định.
- D. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra.

Câu 42: Trong quá trình thực hiện pháp luật nhân dân có quyền và trách nhiệm đóng góp ý kiến, phản ánh kịp thời với Nhà nước những vướng mắc, bất cập.... là một nội dung thuộc:

- A. Ý nghĩa quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.
- B. Nội dung quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.
- C. Khái niệm quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.
- D. Bình đẳng trong thực hiện quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.

Câu 43: Quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội là cơ sở pháp lí quan trọng để nhân dân tham gia vào hoạt động của bộ máy Nhà nước là một nội dung thuộc:

- A. Ý nghĩa quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.
- B. Nội dung quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.
- C. Khái niệm quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.
- D. Bình đẳng trong thực hiện quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.

Câu 44: Quyền công dân tham gia thảo luận vào công việc chung của đất nước là một nội dung thuộc:

- A. Ý nghĩa quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.
- B. Nội dung quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.
- C. Khái niệm quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.
- D. Bình đẳng trong thực hiện quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội

Câu 45: Quyền kiến nghị của công dân là một nội dung thuộc:

- A. Ý nghĩa quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.
- B. Nội dung quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.
- C. Khái niệm quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.

D. Bình đẳng trong thực hiện quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội

Câu 46: Công dân có thể tham gia tích cực vào mọi lĩnh vực của quản lí Nhà nước và xã hội là một nội dung thuộc:

A. Ý nghĩa quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.

B. Nội dung quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.

C. Khái niệm quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.

D. Bình đẳng trong thực hiện quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội

Câu 47: Nhân dân được thông tin đầy đủ về chính sách, pháp luật của Nhà nước là một nội dung thuộc:

A. Ý nghĩa quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.

B. Nội dung quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.

C. Khái niệm quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.

D. Bình đẳng trong thực hiện quyền tham gia quản lí Nhà nước và xã hội

Câu 48: Qui định về người có quyền khiếu nại, tố cáo là một nội dung thuộc:

A. Ý nghĩa quyền khiếu nại, tố cáo.

B. Nội dung quyền khiếu nại, tố cáo.

C. Khái niệm quyền khiếu nại, tố cáo.

D. Bình đẳng trong thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.

Câu 49: Quyền khiếu nại, tố cáo là quyền dân chủ cơ bản của công dân là một nội dung thuộc:

A. Ý nghĩa quyền khiếu nại, tố cáo.

B. Nội dung quyền khiếu nại, tố cáo.

C. Khái niệm quyền khiếu nại, tố cáo.

D. Bình đẳng trong thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.

Câu 50: Qui định pháp luật về khiếu nại, tố cáo là cơ sở pháp lí để công dân thực hiện hiệu quả quyền công dân của mình là một nội dung thuộc:

A. Ý nghĩa quyền khiếu nại, tố cáo.

B. Nội dung quyền khiếu nại, tố cáo.

C. Khái niệm quyền khiếu nại, tố cáo.

D. Bình đẳng trong thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.

Câu 51: Thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo, quyền công dân được đảm bảo, bộ máy Nhà nước càng được củng cố là một nội dung thuộc:

A. Ý nghĩa quyền khiếu nại, tố cáo.

B. Nội dung quyền khiếu nại, tố cáo.

C. Khái niệm quyền khiếu nại, tố cáo.

D. Bình đẳng trong thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.

Câu 52: Qui định người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo là một nội dung thuộc:

A. Ý nghĩa quyền khiếu nại, tố cáo.

B. Nội dung quyền khiếu nại, tố cáo.

C. Khái niệm quyền khiếu nại, tố cáo.

D. Bình đẳng trong thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.

Câu 53: Quyền khiếu nại, tố cáo là công cụ để nhân dân thực hiện dân chủ là một nội dung thuộc:

A. Ý nghĩa quyền khiếu nại, tố cáo.

B. Nội dung quyền khiếu nại, tố cáo.

C. Khái niệm quyền khiếu nại, tố cáo.

D. Bình đẳng trong thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.

Câu 54: Về cơ bản, qui trình giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo mấy bước?

A. 1 bước.

B. 2 bước.

C. 3 bước.

D. 4 bước.

Câu 55: Anh A bị buộc thôi việc trong thời gian đang điều trị tại bệnh viện. Anh A cần căn cứ vào quyền nào của công dân để bảo vệ mình?

A. Quyền bình đẳng. B. Quyền dân chủ. C. Quyền khiếu nại. D. Quyền tố cáo.

Câu 56: Khi nhìn thấy kẻ gian đột nhập vào cơ quan để trộm xe máy. B đã báo ngay cho cơ quan công an, B đã thực hiện :

A. Quyền tự do ngôn luận.

B. Quyền tố cáo.

C. Quyền nhân thân.

D. Quyền khiếu nại.